

Số: /QĐ-MN 19/5

Quận 10, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 19/5

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ tài chính và Bộ Nội vụ, quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lương người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 6771/QĐ-UB ngày 20/12/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc thành lập Trường MN 19/5;

Căn cứ Quyết định số 4385/QĐ-UBND, ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường MN 19/5

Căn cứ Quyết định số 9018/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là “**Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Mầm non 19/5 năm học 2023-2024**”.

Điều 2: Các Quy chế chi tiêu nội bộ trước đây có nội dung trái với nội dung của quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3: Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường Mầm non 19/5 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/01/2024, áp dụng cho niên độ tài chính năm 2024./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Q.10;
- Kho bạc NN Q.10;
- Các bộ phận;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lý Minh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

NĂM HỌC: 2023-2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-MN 19/5, ngày 03 tháng 01 năm 2024
của Trường Mầm non 19/5)*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Những quy định chung:

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo:

+ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

+ Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022.

+ Công văn số 9975/BTC-HCSN ngày 30/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022

Biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng tại Trường Mầm non 19/5 là đơn vị sự nghiệp loại III (đảm bảo một phần kinh phí hoạt động).

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các khoản chi thường xuyên và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đơn vị và toàn thể VC-NLĐ của trường Mầm non 19/5.

Điều 2: Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn

thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho VC-NLĐ của trường.

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp VC-NLĐ của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

5. Sử dụng nguồn tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3: Nguyên tắc, nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý; do Hiệu trưởng ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn đơn vị. Quy chế chính thức phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức của trường.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi, giám sát thực hiện đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi theo Thông tư 62/2020/TT-BTC.

3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của trường;

4. Hiệu trưởng được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của nhà trường đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại trường;

5. Hiệu trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: sử dụng văn phòng phẩm, khoán điện thoại, khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của nhà trường;

6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán công tác phí được trường thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

7. Không được dùng kinh phí của trường để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào;

8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của nhà nước thì hiệu trưởng có thể điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng trường.

9. Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, trường thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4: Căn cứ để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

4.1 Căn cứ chung

1. Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;

2. Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

3. Luật chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019; Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

4. Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

5. Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

6. Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN; Công văn số 5609/KBNN-KSC ngày 07/10/2020 một số lưu ý trong kiểm soát chi thường xuyên từ NSNN; Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN);

7. Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC

ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

8. Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc đính chính thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

9. Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2020 về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế. Căn cứ vào một số Nghị định và các Thông tư hướng dẫn, các Quyết định có liên quan về lương, phụ cấp, đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng...;

10. Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022 và Thực hiện Công văn số 9975/BTC-HCSN ngày 30/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022;

11. Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

II. Căn cứ pháp lý về nguồn thu

1. Quyết định số 6868/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024.

2. Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

3. Công văn số 2955/UB-VX ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc thực hiện các khoản thu mức thu, cơ chế thu chi với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở GD công lập năm học 2023-2024.

4. Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND-TP về qui định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD của cơ sở GDCL trên địa bàn TP.HCM năm học 2023-2024.

5. Văn bản số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD; thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở GD công lập trên địa bàn TP.HCM.

III. Căn cứ pháp lý để xây dựng các nội dung chi

1. Nghị định số 24/2023/NĐ-CP quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

3. Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo.

4. Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với CCVC công tác tại các cơ sở y tế công lập;

5. Thông tư liên tịch 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

6. Thông tư liên tịch 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

7. Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN;

8. Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND TPHCM về chính sách thu hút, hỗ trợ cho CBVC công tác tại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y tế dự phòng của TPHCM;

9. Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

10. Quyết định 45/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 về việc bãi bỏ toàn bộ Quyết định 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 về trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hoà nhập cho người khuyết tật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 5601/UBND-VX ngày 13/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hoà nhập trong cơ sở giáo dục;

11. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND ngày 14/6/2014 của Hội đồng nhân dân TPHCM về hỗ trợ giáo dục mầm non TPHCM và Nghị quyết 113/NQ/HĐND ngày 07/12/2016 giám sát tại kỳ họp việc thực hiện Nghị quyết 01/2014/NQ/HĐND;

12. Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân TPHCM về chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn TPHCM;

13. Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/03/2018 của Hội đồng nhân dân TPHCM về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do thành phố quản lý; Bổ sung 2022; Nghị quyết

04/2022/NQ-HĐND Ngày 07/04/2022 của HĐND-TPHCM về Quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND Ngày 19/9/2023 của HĐND-TPHCM về Quy định chi thu nhập tăng thêm.

14. Thông tư 16/2018/TT-BGD ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

15. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

16. Căn cứ Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024.

17. Căn cứ vào tình hình tài chính của trường bao gồm nguồn từ ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu dịch vụ giáo dục và các nguồn thu hợp pháp khác;

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHẦN THU

Điều 5. Nguồn dự toán và bổ sung dự toán Ngân sách Nhà nước cấp

I. Dự toán Ngân sách Nhà nước cấp đầu năm 2024: 9.722.480.480 đồng

- Kinh phí thực hiện tự chủ (N12): 1.734.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện tự chủ (N13): 4.660.380.480 đồng
- Kinh phí thực hiện tự chủ (N14): 3.328.100.000 đồng

Chi tiết như sau:

1. Lương và khoản theo lương:	6.394.380.480 đ
1.1 Nguồn 13: (Mức lương cơ sở 1.800.000 đ)	4.660.380.480 đ
- Hệ số lương cơ sở (121.38)	218.484.000 x 12 th = 2.621.808.000 đ
- Hệ số PC chức vụ (2.4)	4.320.000 x 12 th = 51.840.000 đ
- Hệ số PC lương vượt khung (0.53)	959.760 x 12 th = 11.517.120 đ

- Hệ số PC thâm niên nhà giáo (15.9)	28.620.000 x 12th = 343.440.000 đ
- Hệ số PC ưu đãi (42.4)	76.311.270 x 12 th = 915.735.240 đ
- Hệ số PC trách nhiệm (0.1)	180.000 x 12 th = 2.160.000 đ
- Hệ số PC độc hại (0.1)	180.000 x 12 th = 2.160.000 đ
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (23,5%)	59.310.010 x 12 th = 711.720.120 đ
1.2. Nguồn 12: (mức lương cơ sở 1.800.000 đ)	1.734.000.000 đồng
- Phụ cấp Thêm giờ	35.500.000 x 9 th = 319.500.000 đ
- Hỗ trợ GVMN do tính chất công việc (NQ 04/2017)	22.100.000 x 9 th = 198.900.000 đ
- Hỗ trợ GVMN theo trình độ CM (NQ 04/2017)	27.800.000 x 12 th = 333.600.000 đ
- Hỗ trợ GVMN mới ra trường (NQ 01/2021)	73.500.000 x 12 th = 882.000.000 đ
2. Các chế độ khác và KP hoạt động:	3.328.100.000 đồng
2.1. Nguồn 14: Nguồn Cải cách tiền lương	3.328.100.000 đ
- Lương tăng thêm theo NQ03/2018/NQ-HĐND; bổ sung NQ04/2022, NQ08/2023	3.259.300.000 đ
- Tiết kiệm 10% chi hoạt động:	68.800.000 đ
CCTL tiền lương đơn vị không nhập dự toán	910.057.000 đ

II. Bổ sung Dự toán Ngân sách Nhà nước Năm 2024

Một số nội dung phát sinh trong năm (đính kèm phụ lục bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ).

Điều 6: Nguồn thu dịch vụ, thu khác

I. Nguồn thu dịch vụ giáo dục: 4.385.050.000 đ

1. Dự kiến thu học phí: (HS * ĐM * 9 tháng)	667.800.000 đ
Nhà trẻ: 95 hs x 200.000 đ x 9 th	171.000.000 đ
Mẫu giáo: 345 hs x 160.000 đ x 9 th	496.800.000 đ
2. Dự kiến thu các khoản thu theo thỏa thuận:	3.717.250.000 đ
- Tổ chức phục vụ bán trú (HS * ĐM * 9 tháng)	1.781.250.000 đ

Nhà trẻ: 95 hs x 450.000 đ x 9 th	384.000.000 đ
Mẫu giáo: 345 hs x 450.000 đ x 9 th	1.397.250.000 đ
- Vệ sinh bán trú (HS * DM * 9 tháng)	198.000.000 đ
Nhà trẻ: 95 hs x 50.000 đ x 9 th	42.750.000 đ
Mẫu giáo: 345 hs x 50.000 đ x 9 th	155.250.000 đ
- Phục vụ ăn sáng (HS * DM * 9 tháng)	871.200.000 đ
Nhà trẻ: 95 hs x 220.000 đ x 9 th	188.100.000 đ
Mẫu giáo: 345 hs x 220.000 đ x 9 th	683.100.000 đ
- Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú (HS * DM)	154.000.000 đ
Nhà trẻ: 95 hs x 350.000 đ /năm	33.250.000 đ
Mẫu giáo: 345 hs x 350.000 đ /năm	120.750.000 đ
- Ngoại khóa ((HS * DM * 9 tháng)	712.800.000 đ
+ AV (người VN) - KNS: 180 hs x 120.000 đ x 9 th	194.400.000 đ
+ Vẽ - Aerobic: 300 hs x 80.000 đ x 9 th	216.000.000 đ
+ AV (người NN): 105 hs x 320.000 đ x 9 th	302.400.000 đ

II. Thu khác:

- Lãi tiền gửi ngân hàng, thanh lý tài sản công, bán hồ sơ thầu... = 5.000.000 đ

III. Thu hộ-chi hộ:

Đây là khoản thu khác do các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập tổ chức thu và sử dụng đúng mục đích nguồn thu, tính toán các khoản thu đảm bảo thu đủ chi đủ.

Cụ thể nội dung thu như sau:

- Học cụ - học liệu: (350.000 đ/năm * 440hs) 154.000.000 đ
- Học phẩm: (50.000 đ/năm * 440hs) 22.000.000 đ
- Tiền ăn bán trú: (35.000 đ/ngày * 440hs * 20 ngày * 9 th) 2.772.000.000 đ
- Tiền ăn sáng (20.000 đ/ngày * 440hs * 20 ngày * 9 th) 1.584.000.000 đ
- Tiền UD CNTT-CĐS (30.000 đ/tháng * 440hs * 8 th) 105.600.000 đ
- Tiền Nước uống (20.000 đ/tháng * 440hs * 9 th) 79.200.000 đ
- Tiền SD máy lạnh: (40.000 đ/tháng * 440hs * 9 th) 158.400.000 đ
- Tiền Khám sức khỏe ban đầu: (40.000 đ/năm * 440hs) 17.600.000 đ
- Tiền đồng phục học sinh (150.000 đ/bộ) theo thực tế PH đăng ký với nhà cung cấp .

IV/ Thu tài trợ giáo dục:

- Căn cứ: Công văn số 868/PGDDĐT ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 về hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban Đại diện Cha mẹ học sinh;

- Yêu cầu: Thực hiện đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không ép buộc, không quy định mức tài trợ bình quân, không quy định mức tài trợ tối thiểu, không lợi dụng việc tài trợ cho giáo dục để ép buộc đóng góp và không coi huy động tài trợ là điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo. Không vận động tài trợ để chi trả: thù lao giảng dạy; các khoản chi liên quan trực tiếp cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và nhân viên, các hoạt động an ninh, bảo vệ; thù lao trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; thù lao duy trì vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; các chi phí hỗ trợ công tác quản lý của cơ sở giáo dục.

Mục 2

PHẦN CHI

Điều 7. Dự kiến chi dự toán Ngân sách nhà nước

1. Chi thường xuyên: chi thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Cụ thể như sau:

-	Mục	6000:	Tiền	lương
2.621.808.000 đ				

6001: Lương theo ngạch, bậc
2.621.808.000 đ

- Mục 6050: Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng
901.550.000 đ

6051: Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng:
901.550.000 đ

- Mục 6100: Phụ cấp lương
1.621.386.000 đ

6101: Phụ cấp chức vụ
51.840.000 đ

6105: Phụ cấp làm thêm giờ
306.000.000 đ

6107: Phụ cấp độc hại
2.160.000 đ

6112: Phụ cấp ưu đãi nghề
915.735.000 đ

6113: Phụ cấp trách nhiệm
2.160.000 đ

6115: Phụ cấp thâm niên vk, thâm niên nhà giáo
343.491.000 đ

- Mục 6300: Các khoản đóng góp
690.875.000 đ

6301: Bảo hiểm xã hội (17%)
515.000.000 đ

6302: Bảo hiểm y tế (3%)
70.000.000 đ

6303: Kinh phí công đoàn (2%)
60.500.000 đ

6304: Bảo hiểm thất nghiệp (1%)
30.250.000 đ

6349: Bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp (0,5%)
15.125.000 đ

- Mục 6400: Các khoản thanh toán cho cá nhân
3.637.500.000 đ

6449: Chi khác (NQ01; NQ04; Tết ÂL, NQ03/NQ08)
3.637.500.000 đ

- Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công
50.000.000 đ

6501: Tiền điện
30.000.000 đ

6502: Tiền nước
20.000.000 đ

- Mục 6550: Vật tư văn phòng
15.000.000 đ

6552: mua sắm công cụ, dụng cụ VTVP
15.000.000 đ

- Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc
7.000.000 đ

6601: Cước điện thoại
500.000 đ

6605: Thuê báo cước truyền hình, Internet
4.500.000 đ

6608: Phim ảnh; ấn phẩm TT; sách, báo, tạp chí thư viện
2.000.000 đ

- Mục 6700: Công tác phí
30.000.000 đ

6704: Công tác phí khoán
30.000.000 đ

- Mục 6750: Chi phí thuê mướn
90.000.000 đ

6754: Thuê thiết bị các loại
15.000.000 đ

6758: Thuê đào tạo cán bộ
65.000.000 đ

6799: Chi phí thuê mướn khác
10.000.000 đ

2. Chi không thường xuyên: chi miễn giảm học phí, buổi hai, hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021, ngày 17/8/2021; trợ cấp thôi việc; mua sắm, sửa chữa; nội dung phát sinh khác. Cụ thể như sau:

- Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ chuyên môn, CSHT:
90.000.000 đ

6907: Nhà cửa
90.000.000 đ

- Mục 6950: Mua sắm TS phục vụ chuyên môn
25.000.000 đ

6954: Tài sản và thiết bị chuyên dùng
25.000.000 đ

- Mục 7750: Chi khác
550.000.000 đ

7766: Cấp học phí cho cơ sở GDĐT theo chế độ

(1) Miễn giảm HP, buổi 2, CP học tập theo NĐ 81/2021

(2) Cấp bù 40% học phí theo NQ17/2022/NQ-HĐND:
550.000.000 đ

- Mục 8000: Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm

- Mục 8049: Chi hỗ trợ khác (Trợ cấp thôi việc)

3. Chi “Nguồn cải cách tiền lương”: chi tăng mức lương cơ sở; chi thu nhập tăng thêm theo NQ08/2023.

- Bình quân: 550.000.000
đồng/quý

4. Chi tiền Tết cho đối tượng là viên chức: mức chi 1.800.000 đồng theo văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân TPHCM.

* Thời hạn thanh toán tiền lương và các khoản theo lương Lần 1: từ ngày 05 đến ngày 15 hàng tháng; Lần 2 từ 20 đến 30.

Điều 8. Phân bổ tỷ lệ chi nguồn thu dịch vụ

STT	Nội dung nguồn thu	Trích thuế (%)	Chi con người (%)	Chi hoạt động (%)	Trích khấu hao (%)	Trích chi phí chưa xác định đối tượng chịu CP (%)	Trích CCTL trên số thu (%)
I	Học phí (bao gồm cấp bù NS)		60%				40%
II	Dịch vụ giáo dục						
1	Tổ chức phục vụ bán trú – Vs Bán trú	2%	80%	16%	2%		
2	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	2%		96%	2%		
3	Phục vụ ăn sáng	2%	80%	16%	2%		
4	Năng khiếu	2%	8%	88%	2%		
5	Học hè	2%	86%	10%	2%		

Ghi chú:

- Trích thuế: Theo quy định của Luật thuế hiện hành

- Chi cho con người: chi tiền công tương ứng với khối lượng công việc/trách nhiệm/nhiệm vụ do HT phân công; chi làm thêm giờ (nếu có)

- Trích khấu hao: xây dựng tỷ lệ trích khấu hao tài sản cố định từ nguồn thu dịch vụ giáo dục phù hợp với quy mô trường lớp và nhu cầu mua sắm, sửa chữa của trường; trích khấu hao 2% từ nguồn thu dịch vụ. (tùy theo tình hình hoạt động của đơn vị)

- Chi hoạt động: nội dung chi phải đúng mục đích nguồn thu, đơn vị không tự xây dựng nội dung chi bồi dưỡng.

- Trích chi phí chưa xác định đối tượng chịu chi phí:

+ Chi lương bảo vệ - phục vụ ngoài định mức, chênh lệch lương do tăng mức lương tối thiểu cho đối tượng hợp đồng 111.

Thu dự kiến ngân sách hỗ trợ HP: 526.980.000 đ

- Trích 40% cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí = 210.792.000 đ

- Trích 60% chi thu nhập tăng thêm – Hỗ trợ lương đội ngũ HĐ 111: 316.188.000 đ, trong đó

+ Lương HĐ 111: $75.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 3 \text{ th} = 210.000.000 \text{ đ}$

+ BHXH – BHYT- BHTN: $18.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 4 \text{ th} = 72.000.000 \text{ đ}$

+ Hỗ trợ vật tư VPP – sách báo – hoạt động chuyên môn...toàn trường.

•Chênh lệch thu chi (từ phần trích 60%) cuối năm chi thu nhập tăng thêm: Cuối năm báo cáo tài chính.

Điều 9. Nội dung chi nguồn thu dịch vụ, thu khác

I. kê khai và nộp thuế (các loại thuế TNCN-GTGT-TNDN)

1. Thời gian kê khai, quyết toán thuế và nộp thuế theo quy định:

- Kê khai quý: trước ngày 20 của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo. Nộp thuế chậm nhất ngày 31 của tháng đầu tiên trong quý sau

- Kê khai quyết toán thuế năm: trước ngày 31 tháng 3 năm sau. Nộp thuế chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Dự kiến trích và nộp thuế:

- Nguồn thu dịch vụ giáo dục (trừ học phí):

+ Thuế TNDN (2%): $\text{Doanh thu thực tế} \times 2\%$
75.000.000 đ

II. Chi thanh toán tiền công

➤ Nội dung chi nguồn “Học phí”

Nguồn Học phí chi CCTL: $526.980.000 \text{ đ} \times 40\% = 210.792.000 \text{ đ}/\text{năm}$

Nguồn Học phí chi TNTT/HĐ111: $667.800.000 \text{ đ} \times 60\% = 316.188.000 \text{ đ}/\text{năm}$

Nguồn Học phí chi hỗ trợ 1 phần lương, BHXH trong năm cho đội ngũ HĐ111 và để cuối năm chi thu nhập tăng thêm – Trích CCTL – hỗ trợ khối CNV có nguồn thu nhập thấp.

➤ Nội dung chi nguồn “Phục vụ bán trú”:

Tổng thu: $1.782.000.000 \text{ đ}/9 \text{ th} = 198.000.000 \text{ đ}/\text{th}$

Tỉ lệ chi:

+ Con người: $75\% = 1.336.500.000 \text{ đ}/9\text{th} = 148.500.000 \text{ đ}/\text{th}$

+ Khấu hao + thuế: $5\% = 89.100.000 \text{ đ}/9\text{th} = 9.900.000 \text{ đ}/\text{th}$

+ Hoạt động: $20\% = 356.400.000 \text{ đ}/9\text{th} = 39.600.000 \text{ đ}/\text{th}$

Chi tiết mức chi:

1.1 Đối tượng biên chế: 43 người

Thành phần	Số lượng	Công PVBT	Thành tiền	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	3.000.000	3.000.000	
Phó hiệu trưởng	2	2.100.000	4.200.000	
Kế toán	1	1.800.000	1.800.000	
Văn thư – Giáo viên	39	1.500.000	58.500.000	
Tổng cộng	43		67.500.000	

1.2 Đối tượng biên chế có kiêm nhiệm

Thành phần	Số lượng	Công PVBT	Thành tiền	Ghi chú
Bí thư chi bộ	1	3.000.000	3.000.000	
Phó bí thư chi bộ	1	1.800.000	1.800.000	
Chi ủy viên/Thư ký HĐSP- Thư ký HĐ trường/ Chủ tịch công đoàn	3	600.000	1.200.000	
Tổ trưởng (NT, M, C, L, CD, VP)	6	1.200.000	7.200.000	
Tổ phó (NT, CD); Thủ kho	3	300.000	900.000	
Bí thư chi đoàn	1	450.000	450.000	
Phó Bí thư chi đoàn	1	150.000	150.000	
Trưởng ban Ban TTND	1	90.000	90.000	
Tổng cộng	17		15.390.000	

1.3 Đối tượng Hợp đồng 111: 13 người

Thành phần	Số lượng	Công PVBT	Thành tiền
Cấp dưỡng Nấu + Tính calo	1	6.300.000	6.300.000
Cấp dưỡng Nấu	2	5.400.000	10.800.000
Cấp dưỡng Vệ sinh	6	4.500.000	27.000.000
NV phục vụ	2	4.500.000	9.000.000
NV Bảo vệ	2	3.000.000	6.000.000
Khoán lương NV (văn thư, CD VS)	2	6.000.000 - 10.000.000	18.000.000
Khoán lương thử việc	1	8.000.000	
Tổng cộng			77.100.000

- *Chênh lệch thu chi còn lại (Nguồn PVBT) sẽ hỗ trợ lương trong năm cho đối tượng HĐ 111.*

➤ **Nội dung chi nguồn “Phục vụ ăn sáng”:**

Tổng thu: 871.200.000 đ/9th = 96.800.000 đ/th

Tỉ lệ chi

- + Con người: $80\% = 696.960.000 \text{ đ}/9\text{th} = 77.440.000 \text{ đ}/\text{th}$
- + Khấu hao + thuế: $4\% = 34.848.000 \text{ đ}/9\text{th} = 3.872.000 \text{ đ}/\text{th}$
- + Hoạt động: $20\% = 139.392.000 \text{ đ}/9\text{th} = 15.188.000 \text{ đ}/\text{th}$

Thành phần	Số lượng	Công PVAS
BGH-GV-NV	56	1.250.000
Tổng chi	56	70.000.000

1. Dự kiến chi phí nhân công trực tiếp:

945.000.000 đ

- Nguồn quản lý bán trú: $60.000.000 \times 9\text{th} = 540.000.000 \text{ đ}$
- Nguồn phục vụ ăn sáng: $45.000.000 \times 9\text{th} = 405.000.000 \text{ đ}$

2. Dự kiến chi phí nhân công gián tiếp:

922.500.000 đ

- Nguồn quản lý bán trú: $80.000.000 \times 9\text{th} = 720.000.000 \text{ đ}$
- Nguồn phục vụ ăn sáng: $22.500.000 \times 9\text{th} = 202.500.000 \text{ đ}$
- Tiền lương khoán vùng cho đội ngũ nhân viên HĐ111
 $80.000.000 \times 2\text{th} = 160.000.000 \text{ đ}$

III. Dự kiến trích khấu hao từ nguồn thu dịch vụ

Ngoài việc tính hao mòn tài sản cố định và hạch toán theo đúng quy định nhà nước, nhà trường có xây dựng việc trích khấu hao tài sản cố định từ nguồn thu dịch vụ đưa vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tái đầu tư cơ sở vật chất cho trường.

- Dự kiến trích từ nguồn thu dịch vụ giáo dục (2 %):

75.420.000 đ

IV. Chi hoạt động:

Theo qui chế nguồn thu và chi hoạt động nhà trường xây dựng:

- 1/ Nguồn Phục vụ bán trú, VSBT: 100% tổng thu đủ bù chi
- 2/ Nguồn Thiết bị VDPVBT: 100% tổng thu đủ bù chi
- 3/ Nguồn Ngoại khóa: 100% tổng thu đủ bù chi
- 4/ Nguồn Phục vụ ăn sáng: 100% tổng thu đủ bù chi
- 5/ Nguồn Học phí hè: 100% tổng thu đủ bù chi

V. Chi phí chưa xác định đối tượng chịu chi phí

- Căn cứ: Là khoản chi phí liên quan đến nhiều hoạt động như hành chính, sự nghiệp, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác mà khi phát sinh chi phí không thể xác định cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng sử dụng. Hạch toán TK 652, 154 ... theo hướng dẫn Thông tư 107/2017/TT-BTC.

VI. Chi trích Cải cách tiền lương

Điều 10. Trích và sử dụng nguồn cải cách tiền lương

1. Nguồn cải cách tiền lương:

4.799.197.987 đ

- Năm trước chuyển sang:

740.228.987 đ

- Nguồn dự toán NSNN (Nguồn 14):

0 đ

+ Tiết kiệm 10% chi hoạt động:

0 đ

+ Kinh phí thu nhập tăng thêm theo NQ08:

3.748.969.000 đ

- Dự kiến trích 40% học phí:

220.00.000

đ

- Căn cứ: Chi CCTL trong năm, hỗ trợ cho đội ngũ hợp đồng 111, trên tinh thần NQ 08/2023 ngày 19/9/2023 của HĐND-TP.HCM điều chỉnh 1 số nội dung của NQ 98/2023 ngày 24/6/2023.

2. Nội dung chi:

- Chi tăng mức lương cơ sở theo quy định hiện hành: theo định kỳ năm nhà nước ban hành vào hàng năm.

+ Năm 2022-2023: Ban hành duy trì bổ sung NQ 03/2018 cùng thực hiện NQ04/2022 ngày 07/04/2022 của HĐND-TP.HCM – Điều chỉnh hệ số

+ Năm 2023-2024: Ban hành duy trì bổ sung NQ 03/2018 cùng thực hiện NQ 08/2023 ngày 19/09/2023 của HĐND-TP.HCM – Điều chỉnh hệ số

- Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 08/2023: 2.500.000.000 đ

Cụ thể: 5 tháng cuối năm 2023, thực hiện theo NQ 08/2023

+ Hệ số tối đa dành cho đối tượng biên chế: 0.8

Căn cứ: CV số 113/PNV của Phòng nội vụ Q.10 về việc xác định hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong đơn SNCL trực thuộc UBND Quận chi NQ 08/2023/NQ-HĐND Q4/2023.

+ Mức tiền cụ thể dành cho đối tượng hợp đồng: tối đa 1.000.000 đ/ tháng

+ Căn cứ vào tình hình nguồn kinh phí và hoạt động trong năm, trường chia sẽ thu nhập tăng thêm cho HĐ111 thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ theo NĐ111 theo mức sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1.000.000 đồng/người/tháng

+ Hoàn thành tốt: 700.000 đồng/người/tháng

+ Hoàn thành 0 đồng

- Thu nhập tăng thêm hiện hưởng = số tiền đánh giá/tổng số ngày làm việc trong quý.

* Đối với trường hợp các tháng hè: căn cứ theo kế hoạch phân công Ban chỉ đạo hè, Ban tuyển sinh và bảng chấm công thực tế để chi trả theo đúng quy định.

- Chuyển sang năm sau (nếu có): Thực hiện trích Cải cách tiền lương

Nếu nguồn cải cách tiền lương không đủ chi: cấp bổ sung dự toán NSNN theo quy định hiện hành.

Điều 11. Chi nguồn tài trợ giáo dục:

Thực hiện theo Kế hoạch vận động tài trợ đã được duyệt

Nội dung cụ thể:

Công trình 1 (trang bị thiết bị, đồ dùng phục vụ dạy và học...): dự kiến 150.000.000 đồng

+ Trang bị mới, nâng cấp máy vi tính, máy in, loa cho 15/16 nhóm lớp: 100.000.000 đồng.

+ Bảo trì 03 hồ cá: 7.500.000 đồng

+ Sửa chữa, bảo trì 02 thang máy: 42.500.000 đồng

Công trình 2 (cải tạo, sửa chữa, xây dựng các công trình phục vụ hoạt động giáo dục...) dự kiến kinh phí 325.000.000 đồng

+ Bổ sung/ trang bị mới hệ thống 16 camera toàn trường: 30.000.000 đồng.

+ Sửa chữa, nâng cấp hệ thống 03 đường truyền internet: 50.000.000 đồng.

+ Thay khung nhôm và kính (03 chiếu nghỉ cầu thang, 01 phòng âm nhạc, 01 thể dục): 155.000.000 đồng.

+ Làm mới bạt che sân trường: 80.000.000 đồng.

+ Trang bị thêm chậu, cây xanh, đất, cây thủy canh, hạt giống cho trẻ trồng cây: 10.000.000 đồng.

Công trình 3 (hỗ trợ các hoạt động giáo dục...) dự kiến kinh phí 175.000.000 đồng

+ Tổ chức sinh nhật hàng tháng cho trẻ

+ Bé vui Trung thu (15/8 ÂL)

+ Mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10

+ Mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

+ Mừng ngày Chủ bộ đội 22/12

+ Bé vui đón Xuân

- + Mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.
- + Mừng Sinh Nhật Bác Hồ 19/5.
- + Quốc Tế Thiếu Nhi 1/6.
- + Tổng kết năm học, ra trường khối Lá.
- + Quà thưởng cuối năm cho trẻ.
- + Tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục, mỹ thuật do ngành tổ chức.
- + Tổ chức cho học sinh lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi tham quan trường tiểu học.

Điều 12. Chi nguồn chi hộ

Thu Tiền ăn – Tiền ăn sáng – Học cụ học liệu- Học phẩm- Nước uống- Sử dụng máy lạnh- DV tiện ích UDCNTT- Khám sức khỏe học sinh, Thu đủ chi đủ 100% cho học sinh

Cuối năm nguồn Thu chi thừa Phụ huynh cùng nhà trường thống nhất bổ sung trang bị CSVN – TBPVBT cho các bé tiếp tục năm học sau.

Điều 13. Chi mua sắm, sửa chữa

- Căn cứ pháp lý:

- Kế hoạch dự trù mua sắm sửa chữa năm 2024.

- Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Khoản 19 điều 3; Khoản 7 điều 4 của Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điều 26 Luật đấu thầu nếu mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên các gói có dự toán dưới 50 triệu.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ, về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020, đồng thời đảm bảo lộ trình theo quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả (Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT); Công văn số 579/BKHĐT-QLĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc tăng cường hiệu quả công tác đấu thầu và thúc đẩy áp dụng đấu thầu qua mạng đáp ứng chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư

số 11/2019/TT-BKHĐT nếu thực hiện phân bổ kinh phí, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước.

Chi tiết từng nội dung, kế hoạch chi sửa chữa của từng loại tài sản

- Bảo dưỡng, bảo trì các tài sản cố định định kỳ:

+ Thang máy vận chuyển hàng hóa: 12.000.000 đ/ năm

+ Thang máy vận chuyển người: 10.000.000 đ/năm

+ Máy photocopy: 15.000.000 đ/ năm

+ Máy vi tính, thiết bị vi tính: 30.000.000 đ/ năm

+ Cải tạo nhà vệ sinh 01 lớp – sửa chữa 1 số hệ thống điện nước, quạt hơi nước, quạt treo – kệ sách lưu trữ - duy tu 1 số hạng mục xuống cấp sửa chữa theo kế hoạch từ nguồn ngân sách, bổ sung hỗ trợ nguồn kinh phí quỹ phát triển sự nghiệp – Tài trợ giáo dục.

+ Mua sắm các loại quạt công suất lớn phục vụ sân chơi – Kệ tủ các lớp – sửa chữa cổng trường, đồ dùng bán trú, đồ dùng thiết bị vi tính VP....

+ Mua sắm 1 số trang thiết bị đồ dùng dạy học và Thiết bị có xây dựng kế hoạch từ nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh với dự toán từ 300.000.000đ - > 650.000.000đ.

VII. CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 14. Thanh toán dịch vụ công cộng xây dựng định mức điện, nước, xăng, dầu...

- Tiền điện: 10.000.000 đ/kỳ -> 15.000.000 đ/kỳ

- Tiền nước: 8.000.000 đ/kỳ -> 15.000.000 đ/kỳ

- Vệ sinh môi trường: 3.6000.000 đ -> 4.000.000 / 1 quý

- Khử khuẩn, diệt côn trùng toàn trường: 10.000.000 -> 15.000.000 đ/lần

Điều 15. Vật tư văn phòng

Căn cứ pháp lý: khoản 4- Điều 11-Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022

Yêu cầu: Đơn vị sẽ căn cứ tính chất công việc và mức sử dụng thực tế các năm trước, yêu cầu công tác chuyên môn năm nay của các cá nhân, bộ phận và giá cả thị trường, đơn vị xây dựng định mức khoán bút viết, giấy in, giấy photo, mực in, mực photo...) phát bằng tiền cho các cá nhân, bộ phận nào không sử dụng hết thì được quyền sử dụng số tiền tiết kiệm đó. Danh sách các cá nhân, bộ phận được chuyển khoản khoán hàng tháng là chứng từ hàng tháng để kế toán thanh toán, định mức khoán tối đa cho các cá nhân, bộ phận cụ thể như sau:

- Khoán tiền mua vật tư học cụ- học liệu: 500.000đ -> 1.000.000đ/ lớp/năm học

- Giấy photo: 5gam/ tháng: 600.000 đ ->750.000 đ
- Viết: 60 cây/ tháng: 300.000 đ -> 500.000 đ
- Tập viết: 60 cuốn/ tháng: 900.000 đ -> 1.000.000 đ
- Bút viết bảng: 30 cây / tháng: 300.000 đ -> 500.000 đ
- Vật tư văn phòng phẩm hồ keo, giấy ép nhựa, decal, chi theo hoạt động bình quân trong tháng: 1.500.000 đ -> 2.000.000 đ

(Dụng cụ văn phòng phẩm các bộ phận có kế hoạch riêng trình phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn từng bộ phận để được phân bổ về khối, nhóm, lớp...)

Điều 16. Thông tin tuyên truyền liên lạc

- Điện thoại cố định: 400.000 đ/năm.
- Cước bưu chính: 1.500.000 đ/năm
- Cước truyền hình cáp - Internet: 6.200.000 đ/năm
- Sách, báo, tạp chí thư viện: 15.000.000 đ/năm
- Cước phí Điện thoại di động (Hiệu trưởng, 2 P.HT, Kế toán, Văn thư): 100.000 đ/người/tháng

Điều 17. Chi hội nghị (theo chế độ hội nghị trong nước)

Căn cứ pháp lý: TT 40/2017-TT -BTC ngày 28/04/2017 của BTC

- Định mức, đối tượng chi của từng hội nghị:
 - + Tổng kết và sơ kết: 1.000.000 đ x 2 lần = 2.000.000 đ
 - + Hội nghị cán bộ công chức: 3.000.000 đ x 1 lần = 3.000.000 đ
 - + Hội nghị đón chuyên đề: 15.000.000 đ / 1lần x 3 lần/năm
 - + Bánh trái cây – Nước suối theo thực tế

Điều 18. Công tác phí cho CBCCVC đi công tác trong nước

Căn cứ pháp lý: TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của BTC về Xây dựng định mức, đối tượng chi của từng người.

- Công tác phí (áp dụng cho trường hợp cán bộ - nhân viên đi công tác trên 15 ngày/tháng), mức khoán tối đa không quá 500.000đ/tháng. Hiệu trưởng – Kế toán – Văn thư - Thủ quỹ: 30.000.000 đ/năm.

- Công tác tham quan tập huấn do Sở - Phòng tổ chức: Kinh phí cân đối từ đơn vị và ngân sách hỗ trợ. Không quá 15.000.000 đ/chuyến

Điều 19. Chi phí thuê mướn

- Thanh toán hợp đồng giảng dạy lớp ngoại khóa tùy theo tình hình thu hàng tháng bình quân từ 6.000.000 -> 35.000.000 đồng cho mỗi hợp đồng theo tỉ lệ % mức thu được.

- Thanh toán hợp đồng thuê máy photo hàng tháng 1.000.000 đ – 1.200.000 đ/tháng.
- Thanh toán hợp đồng khoán việc, định mức thỏa thuận không quá 1.000.000 đ/ngày
- Hỗ trợ công tác sửa chữa nhỏ điện nước hàng tháng cho 2 bảo vệ thực hiện công tác ngoài giờ, định mức thỏa thuận từ 500.000 đ/lần ->1.000.000 đ/lần.

Điều 20. Quy định các khoản chi sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước (chi theo danh mục Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND)

- Dịch vụ tổ chức giữ trẻ trong dịp hè (Thuộc danh mục thu phục vụ ngoài giờ học chính khóa):

- Nộp thuế: 2%/doanh thu nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
- Quy định trích khấu hao tài sản cố định phục vụ công tác bồi dưỡng làm thêm hè: từ 7% đến 10% doanh thu để bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo điểm b Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Chi trả tiền điện, nước hè, điện thoại, đồ dùng bán trú, văn phòng phẩm: khoán theo khoản 2 điều 21 ban hành theo Quy chế này.
- Chi tiền cho bảo vệ, chi lương giáo viên nhân viên hợp đồng thuê mướn theo hợp đồng đã thỏa thuận.
- Quy định trích nguồn cải cách tiền lương: Trích 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định) được quy định tại “Điều 9 Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính, Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính.”
- Phần còn lại được chia theo ngày công phục vụ, làm việc theo bảng chấm công, hỗ trợ công tác khai giảng NH mới.

VIII. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN:

Điều 21. Chi nghiệp vụ chuyên môn

- Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho chuyên môn.
- Học phẩm: 22.000.000 đ/năm
 - + Đồ chơi: 10.000.000 đ
 - + Đồ dùng dạy học: 12.000.000 đ
- Học cụ - Học liệu: 154.000.000 đ

- Trang thiết bị PVB.T (không phải tài sản cố định) – Đặc thù ngành.: 198.000.000 đ/năm

- In, mua ấn chỉ..(đặc thù từng ngành...): 10.000.000 đ/năm

- Trang bị các thiết bị toàn trường – quạt – Sữa chữa nhỏ - SC hạ tầng xuống cấp – thiết bị điện nước

- Vật tư VPP- Văn phòng phẩm – Trang bị các vật dụng Bếp ăn trẻ

- Đồ dùng vệ sinh bán trú chi thường xuyên hàng tháng.

- Chi tiết các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên, đột xuất khác:

+ Chấm thi giáo viên dạy giỏi: 1.000.000 đ/BGK

+ Chi phí đào tạo Bồi dưỡng GV các lớp BDTX năm (từ 30.000.000 > 60.000.000 đ / năm (theo số lượng Gv tham gia bồi dưỡng)

+ Thực hiện chuyên đề trang trí môi trường lớp theo hướng “Lấy trẻ làm trung tâm”: 1.000.000 đ/lớp.

- Chi mua thực phẩm, kho thực phẩm: tùy theo thời giá mỗi ngày

- Tủ thuốc học sinh: 5.000.000 đ/năm.

- Bảo hộ lao động: dự kiến 30.000.000 đ->50.000.000 đ (500.000->800.000/người)

+ Giáo viên – Nhân viên (áo blouse): định mức từ 3m vải -> 6m vải / người /năm. Tổng tiền bình quân: 6.000.000 -> 10.000.000 đ

+ Trang phục đồng phục: 30.000.000 đ->50.000.000 đ

Điều 22: Quy định chi phí trong hoạt động lựa chọn nhà thầu để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên

1. Cơ sở pháp lý:

- Khoản 2 điều 4 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Khoản 1 điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

2. Mức chi:

2.1 Chi thuê thẩm định: Theo hợp đồng thực tế được ký kết dựa trên các nội dung và phạm vi công việc, thời gian thực hiện, năng lực kinh nghiệm của chuyên gia và các yếu tố khác; chi đăng tải thông tin về đấu thầu, chi phí tham gia hệ

thống mạng đấu thầu quốc gia: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2.2 Chi hợp tổ chuyên gia, hợp tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hợp tổ thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp hội đồng tư vấn: Áp dụng mức chi tổ chức các cuộc họp tương đương quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Cụ thể:

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa
1	Tổ trưởng tổ thẩm định, tổ chuyên gia	Nhiệm vụ	500
2	Thành viên tổ thẩm định, tổ chuyên gia	Nhiệm vụ	300
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	100

2.3 Cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được thanh toán tiền lương làm thêm giờ.

IV. CHI KHÁC

Điều 23 Chi khác:

- Chi tiền Lễ 8/3, Mừng 10/3, Lễ 30/4, Lễ 2/9, Lễ 20/10, Lễ 20/11, Lễ Tết dương lịch, âm lịch: theo Quyết định của UBND Quận 10, Theo qui chế chi tiêu nội bộ.
- Chi tiếp khách đón đoàn: Tùy theo mô hình mỗi đoàn đến tham dự.
- Chi khấu hao tài sản cố định: xây dựng định mức tỷ lệ trích khấu hao của tài sản cố định đưa vào khai thác hoặc tính vào chi phí.

V. CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Điều 24. Chi phí cho từng hoạt động sự nghiệp

- Chi phí trực tiếp cho Gv hợp đồng các bộ môn ngoại khóa tỉ lệ 70%-90%
- Chi trả thù lao dạy hè theo kế hoạch xây dựng
- Chi hỗ trợ điện nước, nhiên liệu
- Chi phí PVBT- VSBT, PV ăn sáng, Học phí, Ngoại khóa, thu nhập tăng thêm khi xác định được doanh thu trong tháng.

- Chi phí công sửa chữa nhỏ các công trình cơ sở hạ tầng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định theo chênh lệch thu chi còn lại.

Điều 25. Phân phối nguồn thu nhập từng nguồn được chi cho con người.

Xác định các hệ số phân phối như: hệ số chức vụ...hệ số thâm niên...hệ số chất lượng, hiệu quả của từng cá nhân làm tăng thu, tiết kiệm chi....

❖ Khoản công quản lý các hoạt động Lớp Ngoại khóa: Theo mức sau:

- Hiệu trưởng: 500.000đ/th
- Phó hiệu Trưởng – Kế toán: 400.000đ/th
- Thủ quỹ- Văn thư: 300.000đ/th
- Giáo viên Mẫu giáo trẻ tham gia lớp ngoại khóa: 100.000đ/lớp/tháng

+ Chi hỗ trợ sinh hoạt lớp ngoại khóa cho hoạt động nhà trường.

+ Hỗ trợ cho giáo viên khối lá thực hiện bộ chuẩn phát triển cho trẻ 5 tuổi phục vụ cho công tác giáo dục.

8 GV Khối Lá x 200.000 đ x 1 năm học = 1.600.000 đ

+ Hỗ trợ cho các lớp làm đồ dùng học cụ trang trí lớp đầu năm:

16 lớp (1.000.000 đ/lớp/năm học) = 16.000.000 đ

+ Hỗ trợ các chuyên đề thực hiện trong năm, các hoạt động chuyên môn trong tháng.

Bình quân 01 chuyên đề: 15.000.000 đ

* Học phí hè: 90% chi cho toàn thể Cán bộ giáo viên – nhân viên – 10% chi hoạt động chuyên môn. (kế hoạch thực hiện theo số lượng tình hình GV- NV tham gia cho hoạt động hè, kèm theo xây dựng kế hoạch hè BGH nhà trường phân bổ), Chênh lệch thu chi theo kế hoạch hỗ trợ công tác Khai giảng – Công tác tháng 8 mỗi năm.

*** Nguồn Tài trợ cha mẹ học sinh năm 2023-2024:**

1. Dự kiến tổng số kinh phí vận động tài trợ: 650.000.000 đồng (đính kèm kế hoạch Vận động TTGD đã được phê duyệt)

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THẶNG DƯ

Điều 24. Xác định mức độ tự chủ tài chính

Căn cứ dự toán thu chi năm 2024, năm đầu thực hiện ND 60/2021/ND-CP và TT 56/2022/TT-BTC Quyết định giao tự chủ của từng đơn vị; nhà trường tự xác định là đơn vị sự nghiệp thuộc nhóm 3 tự đảm bảo 1 phần kinh phí chi thường xuyên

Căn cứ nguồn thu SN – chi thường xuyên của năm đầu thực hiện NĐ60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của chính phủ về cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của ĐVSN công lập – tự đảm bảo 1 phần chi TX đơn vị thuộc nhóm 3 – loại 3 (mức độ tự chủ từ 30 đến dưới 70 %)

Điều 25. Nguồn kinh phí thặng dư

Kết thúc năm tài chính – sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu chi thường xuyên giao tự chủ đơn vị được sử dụng theo thứ tự như sau:

Do trường là đơn vị nhóm 3 tự đảm bảo từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên nên trích lập quỹ (Sau khi trích nguồn CCTL theo quy định) như sau:

* Trích lập quỹ phát triển sự nghiệp (15%) - Đơn vị tự bảo đảm từ 30->70% chi thường xuyên – Mức trích lập tối thiểu: 15%

* Trích lập quỹ Bổ sung thu nhập: Do trong thời gian chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo vị trí việc làm NQ: 27-NQ/TW, thì trích lập quỹ BSTN tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản do nhà nước qui định – Mức trích quỹ BSTN từ 25-35% trên tổng chênh lệch thu chi.

* Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi: Do đơn vị tự đảm bảo từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên – Trích tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm đơn vị. Trong đó mức trích như sau: Quỹ Khen Thưởng (10%)

Quỹ Phúc lợi (40%)

-Trích lập quỹ phát triển sự nghiệp:	15%
-Trích lập quỹ bổ sung thu nhập:	35%
-Trích lập quỹ khen thưởng:	10%
- Trích lập quỹ phúc lợi:	40%

• Chi thu nhập tăng thêm NQ 08/2023/NQ-HĐND cho cá nhân thuộc diện hợp đồng 111 cụ thể:

Căn cứ:

- NQ 08/2023-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND-Tp.HCM về qui định chi thu nhập TT theo NQ số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của QH về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM

- Căn cứ Công văn số 113/PNV của Phòng Nội Vụ Quận 10 về việc xác định hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy Ban nhân dân Quận chi Nghị Quyết số 08/2023/NQ-HĐND quý IV năm 2023;

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Tối đa 1.000.000 đồng/ người/tháng

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Tối đa 700.000 đồng/ người/tháng

+ Hoàn thành: Không đồng

Lưu ý: Kỳ xét NQ 08/2023 của hợp đồng 111 sẽ cùng đợt với kỳ xét NQ 08/2023 của viên chức nhà trường.

Chi Hỗ trợ tiền công cho cá nhân thuộc diện HĐ, NĐ 111/2022/NĐ-CP (do tiết kiệm kết dư cuối năm): Xác định theo BCCLTC cuối năm theo số tháng công tác.

Điều 26. Sử dụng các quỹ

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

Yêu cầu: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

Đơn vị tiến hành trích từ khấu hao tài sản cố định cho hoạt động cung ứng dịch vụ bổ sung Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp theo Khoản 2 Điều 8 Nghị định 60/2021/NĐ-CP

Quy định cụ thể các hồ sơ chi đối với mua sắm, sửa chữa:

- + Tờ trình/đề xuất (nếu mua thay thế cái cũ phải có bảo hư/hỏng);
- + Danh mục mua sắm được duyệt của cấp có thẩm quyền (thủ trưởng hoặc UBND thành phố tùy theo nội dung phân cấp);
- + Báo giá, hóa đơn, giấy đề nghị thanh toán;

Đảm bảo trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định hiện hành của Quyết định 17/2019/QĐ-TTg hoặc Thông tư số 58/2016/TT-BTC, quy định về đăng tải thông tin trên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia,...;

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ chuyên môn (theo quy định tại Điều 13 Chương II của Quy chế này)
 - o Chi mua các thiết bị phục vụ chuyên môn tùy theo thời giá các sản phẩm nhà trường trang bị, báo giá được nhận từ các công ty theo mức giá hợp lý.
 - o Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ lớp học cho NH 2023-2024, thực hiện theo kinh phí nguồn thu tài trợ, nguồn hoạt động sự nghiệp, duy tu 1 số công trình nhỏ của nhà trường khi xuống cấp.
 - o Chi hỗ trợ kinh phí cho giáo viên đi học các lớp nâng cao, các hoạt động chuyên đề, các lớp lý luận chính trị nhà trường hỗ trợ 50% mức học phí.
 - o Chi hỗ trợ 1 phần kinh phí dàn dựng các tiết mục văn thể mỹ các phong trào đoàn thể trong Quận tổ chức.

2. Quỹ bổ sung thu nhập

- Yêu cầu: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn

thu nhập bị giảm sút. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị. Đơn vị xây dựng rõ nội dung chi và định mức chi, phát sinh mức chi khi có thay đổi về hệ số lương, tăng lương, hợp đồng thêm nhân viên từ bên ngoài vào, khi kết thúc hợp đồng với các nhân sự hợp đồng trường, phát sinh các chế độ BHXH nhà nước ban hành.

- Đối tượng hưởng: viên chức, nhân viên hợp đồng trường

CÔNG THỨC TÍNH BỔ SUNG THU NHẬP

$$TN = (HSHTCV + HSQL + HSKN) \times \text{Số tháng công tác} \times \text{Mức chia TN}$$

(Mức chia TN năm 2024 sẽ được xác định vào cuối năm tài chính 2024)

Việc chi thu nhập tăng thêm cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị

A. Đối tượng được hưởng: Cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế, hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên.

B. Cách tính thanh toán bổ sung thu nhập: Được chi trả 1 lần vào cuối năm tài chính theo hiệu quả, kết quả công việc của từng người và chấp hành tốt quy chế, nội quy của nhà trường. Cách tính thanh toán bổ sung thu nhập:

Căn cứ kết quả tài chính trong năm nhà trường tính tổng mức thu nhập tăng thêm trong năm cho CB-GV-NV theo thời gian làm việc tại trường trong năm như sau: (khoản tiền tiết kiệm: từ ngân sách tính theo năm tài chính, từ nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp tính theo năm học).

Cách tính theo phương án sau:

Stt	Chức vụ/Công việc	Hệ số Q.lý	Kiểm nhiệm
1	Hiệu trưởng – Bí thư CB	0.35	0.05
2	Phó Hiệu trưởng, Kế toán	0.3	
3	TT chuyên môn GV- CD		0.1
4	Chủ tịch Công đoàn		0.05
5	Bí thư Chi đoàn		0.03
6	Tập thể Sư phạm	0.4	

Theo mức hệ số Tiền cơ bản x Hệ số x Số tháng công tác và Hưởng theo công tác kiểm nhiệm quản lý và các chức danh hỗ trợ.

3. Quỹ khen thưởng

- Yêu cầu: Đề thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của luật thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Đối tượng hưởng: viên chức, nhân viên hợp đồng trường.

- Mức chi: Dự kiến:

- Thưởng đột xuất: 200.000 đồng - > 50% mức LCB nhà nước qui định cho cá nhân hoặc tập thể trong các đợt thi đua cao điểm.
- Thưởng các lớp hoàn thành các chuyên đề trong năm: 300.000đ/GV / chuyên đề.
- Khen thưởng thi đua học kỳ: 200.000-> 500.000đ/ng/học kỳ (A:500.000đ-B:300.000đ- C:200.000đ)
- Thi đua lao động Tiên Tiến năm học: 300.000-> 500.000đ/ năm.
- Thưởng cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học: 300.000đ/ng/năm
- Khen thưởng thi đua danh hiệu Phụ nữ 2 Giỏi – Gia đình nhà giáo văn hóa 200.000đ/người/năm học.
- Cá nhân có công tác kiêm nhiệm hoàn thành xuất sắc công tác kiêm nhiệm được thưởng cuối học kỳ: 50% tiền trách nhiệm kiêm nhiệm theo hệ số hoặc cân đối theo mức khoán cao nhất 300.000 - 500.000 đ/HK.

4. Quỹ phúc lợi

- Yêu cầu: Đề xây dựng các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế.

- Mức chi: Dự kiến

- Tết Âm lịch: 1.000.000 ->5.000.000 đ/người
- Đối với HĐ111 nhà trường hỗ trợ mức tiền Tết 1.800.000đ, như viên chức được ngân sách chi.
- Tết Dương lịch- QT phụ nữ 8/3- Lễ giỗ tổ Hùng Vương -Giải phóng MN 30/4&1/5- Quốc khánh 2/9, Lễ 30/11: 200.000 đ/người.
- Đám cưới bản thân giáo viên – nhân viên: 300.000 đ /người
- Thăm bệnh (nằm viện), hiến máu nhân đạo: 200.000 đ /lần
- Đối với tứ thân phụ mẫu, vợ/chồng/con của Viên chức, HĐ 111: Qua đời: 1.000.000 đ; Thăm bệnh: 500.000 đ/ lần/năm (Đại phầu)

- Thuốc phòng y tế, tiền khám sức khỏe đầu năm cho cán bộ giáo viên nhân viên: 25.000.000 đ /năm.

- Chi khen thưởng cho hoạt động công đoàn cuối năm, tùy theo kinh phí của trường.

- Khóan chi cho hoạt động chi đoàn: 2.000.000 đ/năm

- Chi tham quan, học tập các chương trình do ngành triệu tập trong ngoài nước gồm Ban giám hiệu và 1 giáo viên kinh phí do trường hỗ trợ từ nguồn kinh phí đơn vị hoặc được ngân sách hỗ trợ. Định mức phát sinh trong thời giá mỗi năm, hợp đồng giá cả thỏa thuận từ nhà cung cấp.

- Quà Cán bộ - Giáo viên – Nhân viên trong biên chế nghỉ hưu hoặc chuyển.

- * Công tác 5-> 9 năm: 300.000 đ

- * Công tác 10-> 14 năm: 700.000 đ

- * Công tác 15-> 19 năm: 1.000.000 đ

- * Công tác 20-> 24 năm: 1.500.000 đ

- * Công tác 25 năm trở lên: 2.500.000 đ

Nếu nhà trường chi tiết kiệm được trong năm các nguồn quỹ dư sẽ có khen thưởng cuối năm giáo viên – nhân viên (kế hoạch dự trù trích lập chênh lệch thu chi nguồn học phí (3714-3716) -> (3713) vào cuối năm tài chính) Và cuối năm nếu kinh phí dư nguồn ngân sách nhà trường sẽ trích lập theo qui chế xây dựng, thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo hệ số giảm dần, chức vụ, nhiệm vụ dựa trên hệ số xây dựng nhà trường hàng tháng, năm.

- Chi tham quan hè cho VC-NLĐ

- * Từ 3 triệu - > 5 triệu / người / năm (Vào tài khoản cá nhân). GVNV công tác trên 9 tháng hưởng 100%, không đủ 9 tháng không hưởng.

- * Trường hợp trong năm đơn vị không thể tổ chức cho VC-NLĐ đi tham quan học tập hè được (do thiên tai dịch bệnh) thì trường sẽ chi tiền mặt (Vào tài khoản cá nhân)

- * Đối với Thai sản hưởng 50% mức chi.

- * Không tham gia không hưởng.

- * Bảo vệ 1 suất/2 người

- * Đối với người lao động nghỉ việc sẽ không hưởng các chế độ tham quan, khen thưởng, phúc lợi nhà trường trong năm học.

- Khi qua đời được trợ cấp: 2.000.000đ/người.

Nghỉ phép:

- * Đối với nhân viên hợp đồng 111, khi nghỉ phép lý do không hợp lệ trừ 1 ngày 100.000 đ

- * Đối với CBGVNV biên chế ngày nghỉ được trừ vào thêm giờ, bảng tính NQ03/2018 (NQ 08/2023, ngày 19/9/2023 của HĐND)

- * Tứ Thân phụ mẫu mất – Đám cưới cá nhân: Nghỉ 3 ngày

* Ông bà nội ngoại mất: Nghỉ 1 ngày

Điều 27. Quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại

Theo Quy định tại Điều 23 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và tại Mục 12 Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022: “Quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền trích lập các Quỹ của đơn vị hoặc các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, dịch vụ theo quy định”

1. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại.

- Việc lựa chọn ngân hàng thương mại phải đáp ứng tối thiểu các tiêu chí sau đây:

- Là tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật Tín dụng
- Có trên 05 (năm) năm kinh nghiệm hoạt động ngân hàng
- Được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng ở mức có khả năng thực hiện các cam kết tài chính và hoạt động bình thường ngay cả khi tình hình, điều kiện kinh tế biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi;
- Có cam kết bằng văn bản cho đơn vị để bảo lãnh tham gia đấu giá, đấu thầu theo quy định Luật Đấu giá, Luật Đấu thầu;
- Là Ngân hàng có kinh nghiệm, năng lực quản trị tốt;
- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng;
- Không vi phạm cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của Ngân hàng thương mại và đối với các tổ chức tín dụng khác;
- Đảm bảo duy trì các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

2. Mở tài khoản các khoản thu để gửi tại ngân hàng thương mại:

- Đơn vị mở tài khoản tại ngân hàng thương mại đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước theo Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND.

- Các Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 được gửi tiền tại ngân hàng thương mại để quản lý

- Ngân hàng Vietinbank – CN 10 – Tp.HCM – Tk:11100003104 (TK giao dịch)- 1220.0001.6374 (TK Lương)

CHƯƠNG IV

LẬP VÀ CHẤP HÀNH DỰ TOÁN THU CHI QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH

Điều 28. Lập, chấp hành dự toán và sử dụng nguồn tài chính

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán năm, dựa vào nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, kết quả hoạt động sự nghiệp, tình hình thu chi tài chính của năm trước nhà trường tiến hành lập dự toán thu chi năm kế hoạch, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở sử dụng nguồn tài chính có hiệu quả và đúng mục đích.

Điều 29. Thực hiện chế độ báo cáo

Thực hiện theo quy định tại Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách lập đúng mẫu biểu quy định, phản ánh đầy đủ các chi tiết đã quy định, lập đúng kỳ hạn theo kỳ kế toán: Quý, năm nộp đúng thời gian và đầy đủ báo cáo tới từng nơi nhận báo cáo.

Báo cáo quyết toán trung thực khách quan, đầy đủ, kịp thời, phản ánh đúng tình hình tài sản, thu chi và sử dụng các nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 30. Thực hiện công tác kiểm soát nội bộ công tác tài chính, kế toán

Ban thanh tra nhân dân thường xuyên kiểm tra định kỳ giám sát công tác thu chi tài chính, mua sắm sửa chữa, cơ sở vật chất trong đơn vị.

Thực hiện mỗi quý /lần, kiểm tra quỹ tiền mặt đột xuất 01 tháng/ lần.

Điều 31. Thực hiện công khai tài chính.

1. Công khai dự toán giao và công khai quyết toán năm tất cả các loại nguồn thu, chi tài chính.

2. Công khai dự toán ngân sách giao: Vào tháng 1 hàng năm sau khi được Ủy ban nhân dân giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm.

2.1 Hình thức công khai: dán trên bảng tin quyết toán các khoản thu dịch vụ, ngân sách, học phí hàng năm.

2.2 Công khai ở Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm.

3. Thời hạn công khai:

- Theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Công khai theo năm học từ các nguồn xã hội hóa giáo dục, nguồn thu khác phục vụ cho học sinh.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Về nguồn thu: Trường tập trung khai thác nguồn thu trong phạm vi cho phép, giáo viên ở các lớp phối hợp cùng bộ phận tài vụ của trường nhắc nhở phụ huynh đóng các khoản tiền hàng tháng đầy đủ và kịp thời để phòng kế toán quyết toán đúng thời gian quy định;

2. Xây dựng định mức chi: Dựa vào tiêu chuẩn định mức của nhà nước quy định từ đó đơn vị thảo luận thống nhất xây dựng mức chi chưa có quy định của nhà nước theo tình hình thực tế và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 33. Quy định điều khoản thi hành

Quy chế chi tiêu nội bộ này được thống nhất với Công đoàn Nhà trường và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Nhà trường và chính thức thông qua Hội đồng Trường trước khi ban hành.

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành, mọi quy định trước đây của trường trái với Quy chế chi tiêu nội bộ này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung sửa đổi để Quy chế chi tiêu nội bộ ngày một phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Quy chế này được gửi đến phòng Tài chính - kế hoạch, Kho bạc Nhà nước nơi Trường mở tài khoản, thông báo toàn trường theo quy định hiện hành.